

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động  
kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-BGTVT, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Xét văn bản đề nghị ngày 08 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng thẩm định tổ chức đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và sát hạch nghiệp vụ kiểm định viên kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực dùng trong giao thông vận tải.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho Trung Tâm Kiểm Định Công Nghiệp 1, cụ thể:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Mã số đăng ký chứng nhận: VR-066-KĐCN1

**Điều 2.** Phạm vi thực hiện kiểm định của tổ chức nêu tại Điều 1 được ghi trong Phụ lục đính kèm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 416/QĐ-ĐKVN, ngày 09 tháng 04 năm 2019 của Cục Đăng kiểm Việt Nam về việc Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

**Điều 4.** Giám đốc Trung Tâm Kiểm Định Công Nghiệp 1, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP, CN.



**PHỤ LỤC****PHẠM VI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 502/QĐ-ĐKVN ngày 03 tháng 04 năm 2024 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam)

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(theo Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH)</i>	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Thiết bị xếp dỡ</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thiết bị xếp dỡ trên phương tiện đường bộ</b>	
1	Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, búa đóng cọc	
2	Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
3	Sàn nâng, tời nâng hàng hoặc người	
4	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
5	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m	
<b>I.2</b>	<b>Thiết bị xếp dỡ dùng trong cảng hàng không, cảng thủy, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy và cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện đường sắt</b>	
1	Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, cần trục tháp, cần trục chân đế	
2	Cầu trục lăn, cầu trục treo	
3	Cồng trục, bán công trục	
4	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
5	Xe tời điện chạy trên ray	
6	Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
7	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng	

S.H.C.N

ĐĂNG K  
KIỂM ĐỊNHCỤC ĐĂNG K  
KIỂM ĐỊNH

STT	<b>Tên đối tượng kiểm định</b> <i>(theo Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH)</i>	Ghi chú
8	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
9	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m	
10	Thang máy	
11	Thang cuốn; băng tải chở người	
<b>II.</b>	<b>Thiết bị áp lực trên phương tiện đường bộ</b>	
1	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	
2	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar	

Số: 00270/24CN.TCKĐ

## GIẤY CHỨNG NHẬN

### TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP 1

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số đăng ký chứng nhận: VR-066-KĐCN1

### ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

### PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

Chi tiết tại Quyết định số: 502 /QĐ-ĐKVN ngày 09 tháng 04 năm 2024

Ngày cấp: 09 tháng 04 năm 2024

Ngày hết hiệu lực: 03 tháng 04 năm 2029

Cấp lần thứ: 02

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP



KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
Phạm Minh Thành

